

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SAO Y Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan: UBND tỉnh Đồng Nai

Số: 348 /UBND-HCC

Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2024

V/v thực hiện Văn bản số
10198/VPCP-KSTT ngày 29/12/2023
của Văn phòng Chính phủ

Kính gửi:

- Lãnh đạo các sở, ban ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

UBND tỉnh Đồng Nai nhận được Văn bản số 10198/VPCP-KSTT ngày 29/12/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc đôn đốc thực hiện một số nhiệm vụ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ (file điện tử gửi kèm). Để tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Sở Thông tin và Truyền thông khẩn trương hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Công việc hoàn thành báo cáo UBND tỉnh trong **tháng 01/2024**.

2. Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo rà soát, kiểm tra, xử lý dứt điểm các **hồ sơ trực tuyến nộp từ Cổng dịch vụ công quốc gia** quá hạn đang xử lý (Phụ lục kèm theo Văn bản số 10198/VPCP-KSTT ngày 29/12/2023 của Văn phòng Chính phủ); chấn chỉnh, xử lý nghiêm các cán bộ, công chức, viên chức để xảy ra tình trạng chậm muộn theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại điểm đ mục 1 Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ. Công việc hoàn thành báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 20/01/2024**./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, HCC;



Võ Tấn Đức

DANH SÁCH HỒ SƠ TRỄ HẠN

STT	MÃ HỒ SƠ	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN	NGÀY HẸN TRẢ	NGÀY TRẢ	THỜI GIAN XỬ LÝ	TRẠNG THÁI
1	000.28.22.H19-230303-0002	Thủ tục chứng thực chữ ký trong (	UBND phường Quang Vinh	03/03/2023	06/03/2023		-1	
2	000.00.07.H19-230323-0073	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
3	000.00.07.H19-230323-0069	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
4	000.00.07.H19-230323-0068	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
5	000.00.07.H19-230323-0092	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
6	000.00.07.H19-230323-0087	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
7	000.00.07.H19-230323-0074	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
8	000.00.07.H19-230323-0090	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
9	000.00.07.H19-230323-0070	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
10	000.00.07.H19-230323-0072	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
11	000.00.07.H19-230323-0078	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
12	000.00.07.H19-230323-0076	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
13	000.00.07.H19-230323-0075	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
14	000.00.07.H19-230323-0071	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
15	000.00.07.H19-230323-0067	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
16	000.00.07.H19-230323-0066	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
17	000.00.07.H19-230323-0094	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
18	000.00.07.H19-230323-0093	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
19	000.00.07.H19-230323-0086	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
20	000.00.07.H19-230323-0081	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
21	000.00.07.H19-230323-0089	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
22	000.00.07.H19-230323-0099	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
23	000.00.07.H19-230323-0080	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
24	000.00.07.H19-230323-0084	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
25	000.00.07.H19-230323-0083	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	23/03/2023	27/03/2023		-1	
26	000.35.31.H19-230325-0001	Thủ tục đăng ký khai tử	UBND xã Sông Trầu	25/03/2023	28/03/2023		-1	
27	000.47.22.H19-230515-0027	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình tr	UBND phường Phước Tân	15/05/2023	19/06/2023		-1	
28	000.00.07.H19-230525-0002	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	25/05/2023	26/05/2023		-1	
29	000.28.29.H19-230525-0002	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình tr	UBND xã Phú Lợi	25/05/2023	30/05/2023		-1	

000.00.07.H19-230526-0167	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	26/05/2023	29/05/2023		-1	4
000.00.07.H19-230530-0034	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	30/05/2023	01/06/2023		-1	4
000.00.07.H19-230530-0030	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	30/05/2023	01/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230530-0032	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	30/05/2023	01/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230530-0031	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	30/05/2023	01/06/2023		-1	4
000.00.07.H19-230530-0033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	30/05/2023	01/06/2023		-1	1
000.00.20.H19-230602-0052	Cấp giấy phép lao động cho người	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	02/06/2023	12/06/2023		-1	1
000.00.22.H19-230602-0074	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	02/06/2023	07/06/2023		-1	1
000.27.30.H19-230602-0002	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Bình An	02/06/2023	05/06/2023		-1	1
000.25.29.H19-230602-0003	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	UBND xã Ngọc Định	02/06/2023	07/07/2023		-1	1
000.24.22.H19-230602-0004	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng	UBND phường Hồ Nai	02/06/2023	07/06/2023		-1	1
000.27.31.H19-230605-0002	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND xã Cây Gáo	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.32.22.H19-230605-0015	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng	UBND phường Tân Biên	05/06/2023	10/07/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0029	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0005	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0013	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0019	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0018	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0025	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0026	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	4
000.00.07.H19-230605-0022	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0007	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0024	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0023	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	4
000.00.07.H19-230605-0020	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0030	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0021	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0014	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0015	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0012	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0008	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0027	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0006	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1
000.00.07.H19-230605-0011	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023		-1	1

64	000.00.07.H19-230605-0016	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023			-1	
65	000.00.07.H19-230605-0009	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023			-1	
66	000.00.07.H19-230605-0017	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023			-1	
67	000.00.07.H19-230605-0028	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023			-1	
68	000.00.07.H19-230605-0101	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023			-1	
69	000.00.07.H19-230605-0010	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	05/06/2023	06/06/2023			-1	
70	000.00.07.H19-230606-0002	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	06/06/2023	07/06/2023			-1	
71	000.00.07.H19-230606-0001	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	06/06/2023	07/06/2023			-1	
72	000.00.07.H19-230606-0009	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	06/06/2023	07/06/2023			-1	
73	000.00.07.H19-230606-0003	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	06/06/2023	07/06/2023			-1	
74	000.00.07.H19-230606-0017	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	06/06/2023	07/06/2023			-1	
75	000.00.07.H19-230606-0013	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	06/06/2023	07/06/2023			-1	
76	000.00.07.H19-230606-0015	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	06/06/2023	07/06/2023			-1	
77	000.00.07.H19-230606-0011	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	06/06/2023	07/06/2023			-1	
78	000.00.07.H19-230606-0004	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	06/06/2023	07/06/2023			-1	
79	000.00.07.H19-230606-0018	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	06/06/2023	07/06/2023			-1	
80	000.00.07.H19-230606-0005	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	06/06/2023	07/06/2023			-1	
81	000.00.07.H19-230608-0081	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	08/06/2023	12/06/2023			-1	
82	000.00.07.H19-230608-0083	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	08/06/2023	12/06/2023			-1	
83	000.23.24.H19-230608-0001	Thủ tục đăng ký kết hôn	UBND xã Sông Nhạn	08/06/2023	09/06/2023			-1	
84	000.00.07.H19-230608-0077	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	08/06/2023	12/06/2023			-1	
85	000.00.07.H19-230608-0082	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	08/06/2023	12/06/2023			-1	
86	000.00.07.H19-230608-0080	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	08/06/2023	12/06/2023			-1	
87	000.23.24.H19-230608-0002	Thủ tục đăng ký kết hôn	UBND xã Sông Nhạn	08/06/2023	12/06/2023			-1	
88	000.00.07.H19-230608-0079	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	08/06/2023	12/06/2023			-1	
89	000.00.07.H19-230608-0047	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	08/06/2023	12/06/2023			-1	
90	000.00.07.H19-230608-0048	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	08/06/2023	12/06/2023			-1	
91	000.00.07.H19-230608-0078	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	08/06/2023	12/06/2023			-1	
92	000.00.22.H19-230614-0242	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	14/06/2023	20/06/2023			-1	
93	000.00.26.H19-230727-0018	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Thống Nhất - tỉnh F	27/07/2023	17/08/2023			-1	
94	000.00.22.H19-230818-0115	Đăng ký thay đổi nội dung đăng k	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	18/08/2023	23/08/2023			-1	
95	000.32.29.H19-230822-0002	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Phú Vĩnh	22/08/2023	23/08/2023			-1	
96	000.00.22.H19-230906-0020	14. Đăng ký chuyển mục đích sử d	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	06/09/2023	27/09/2023			-1	
97	000.00.25.H19-230906-0006	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dụng	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đôn	06/09/2023	27/09/2023			-1	

28	000.00.04.H19-230918-0003	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đồng Nai	18/09/2023	07/11/2023		-1	4
29	000.00.32.H19-230918-0064	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	UBND huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai	18/09/2023	22/09/2023		-1	4
30	000.00.02.H19-230920-0003	Cho phép hợp báo nước ngoài	Sở Thông tin và Truyền thông - tỉnh Đồng Nai	20/09/2023	22/09/2023		-1	1
31	000.00.32.H19-230926-0049	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai	26/09/2023	10/10/2023		-1	1
32	000.00.11.H19-230926-0256	1. Đồi Giấy phép lái xe do ngành	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng Nai	26/09/2023	03/10/2023		-1	1
33	000.36.22.H19-230926-0042	Liên thông các thủ tục hành chính	UBND phường Tân Phong	26/09/2023	13/10/2023		-1	1
34	000.00.09.H19-230926-0059	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	26/09/2023	17/10/2023		-1	1
35	000.00.27.H19-231010-0068	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng Nai	10/10/2023	12/12/2023	04/01/2024	63	10
36	000.00.27.H19-231010-0067	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng Nai	10/10/2023	12/12/2023	04/01/2024	63	10
37	000.00.25.H19-231010-0050	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	10/10/2023	21/11/2023		-1	4
38	000.00.16.H19-231014-0027	Gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	14/10/2023	23/10/2023		-1	1
39	000.00.11.H19-231017-0077	1. Đồi Giấy phép lái xe do ngành	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng Nai	17/10/2023	24/10/2023		-1	1
40	000.00.04.H19-231020-0001	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đồng Nai	20/10/2023	08/12/2023		-1	4
41	000.00.04.H19-231020-0003	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đồng Nai	20/10/2023	08/12/2023		-1	4
42	000.00.25.H19-231021-0016	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	21/10/2023	04/12/2023		-1	4
43	000.00.04.H19-231023-0002	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đồng Nai	23/10/2023	12/12/2023		-1	4
44	000.00.25.H19-231023-0072	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	23/10/2023	05/12/2023		-1	4
45	000.00.04.H19-231024-0001	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đồng Nai	24/10/2023	12/12/2023		-1	4
46	000.00.25.H19-231024-0077	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	24/10/2023	05/12/2023		-1	4
47	000.00.25.H19-231024-0122	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	24/10/2023	06/12/2023		-1	4
48	000.00.25.H19-231024-0106	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	24/10/2023	06/12/2023		-1	4
49	000.00.25.H19-231024-0076	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	24/10/2023	05/12/2023		-1	4
50	000.00.25.H19-231024-0121	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	24/10/2023	06/12/2023		-1	4
51	000.00.10.H19-231011-0002	Phê duyệt dự toán, thiết kế kỹ thuật và dự toán thi công	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	24/10/2023	18/12/2023		-1	4
52	000.00.08.H19-231024-0069	10. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng Nai	24/10/2023	12/12/2023		-1	4
53	000.00.30.H19-231025-0096	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai	25/10/2023	05/01/2024	04/01/2024	51	10
54	000.00.30.H19-231025-0089	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai	25/10/2023	05/01/2024	04/01/2024	51	10
55	000.00.30.H19-231025-0095	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai	25/10/2023	05/01/2024	04/01/2024	51	10
56	000.00.30.H19-231025-0093	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai	25/10/2023	05/01/2024	04/01/2024	51	10
57	000.00.30.H19-231025-0092	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai	25/10/2023	05/01/2024	04/01/2024	51	10
58	000.00.25.H19-231025-0111	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	25/10/2023	07/12/2023		-1	4
59	000.00.08.H19-231025-0035	09. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng Nai	25/10/2023	06/12/2023		-1	4
60	000.00.30.H19-231025-0091	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai	25/10/2023	05/01/2024	04/01/2024	51	10
61	000.00.22.H19-231025-0220	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai	25/10/2023	16/11/2023		-1	4

132	000.00.25.H19-231026-0039	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	26/10/2023	07/12/2023			-1	
133	000.00.04.H19-231026-0001	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc th	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đ	26/10/2023	14/12/2023			-1	
134	000.00.25.H19-231028-0001	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	28/10/2023	11/12/2023			-1	
135	000.00.04.H19-231030-0001	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư t	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đ	30/10/2023	19/12/2023			-1	
136	000.00.25.H19-231030-0053	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	30/10/2023	11/12/2023			-1	
137	000.00.25.H19-231030-0034	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	30/10/2023	11/12/2023			-1	
138	000.00.25.H19-231030-0054	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	30/10/2023	11/12/2023			-1	
139	000.00.22.H19-231030-0173	9. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	30/10/2023	12/12/2023			-1	
140	000.00.04.H19-231031-0007	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc th	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đ	31/10/2023	19/12/2023			-1	
141	000.00.04.H19-231031-0005	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc th	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đ	31/10/2023	19/12/2023			-1	
142	000.00.04.H19-231031-0001	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc th	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đ	31/10/2023	19/12/2023			-1	
143	000.00.04.H19-231031-0006	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc th	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đ	31/10/2023	19/12/2023			-1	
144	000.00.04.H19-231031-0008	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc th	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đ	31/10/2023	19/12/2023			-1	
145	000.00.04.H19-231031-0009	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc th	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đ	31/10/2023	19/12/2023			-1	
146	000.00.04.H19-231031-0004	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc th	Sở Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Đ	31/10/2023	19/12/2023			-1	
147	000.00.25.H19-231101-0054	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	01/11/2023	13/12/2023			-1	
148	000.00.27.H19-231101-0073	3. Thủ tục chuyển mục đích sử dự	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đ	01/11/2023	02/01/2024	04/01/2024		47	1
149	000.00.25.H19-231101-0063	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	01/11/2023	13/12/2023			-1	
150	000.00.20.H19-231102-0003	Cấp giấy phép môi trường (cấp T	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	02/11/2023	21/12/2023			-1	
151	000.00.08.H19-231103-0138	02. Giao đất, cho thuê đất không t	Sở Tài nguyên và Môi trường - t	03/11/2023	04/12/2023			-1	
152	000.00.08.H19-231103-0136	02. Giao đất, cho thuê đất không t	Sở Tài nguyên và Môi trường - t	03/11/2023	04/12/2023			-1	
153	000.00.08.H19-231103-0133	02. Giao đất, cho thuê đất không t	Sở Tài nguyên và Môi trường - t	03/11/2023	04/12/2023			-1	
154	000.20.28.H19-231102-0001	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND thị trấn Tân Phú	04/11/2023	18/12/2023			-1	
155	000.00.25.H19-231106-0015	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	06/11/2023	18/12/2023			-1	
156	000.00.25.H19-231106-0050	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	06/11/2023	18/12/2023			-1	
157	000.00.12.H19-231107-0019	Cấp giấy phép hoạt động đối với	Sở Y tế - tỉnh Đồng Nai	07/11/2023	10/01/2024			-1	
158	000.00.25.H19-231108-0006	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	08/11/2023	20/12/2023			-1	
159	000.00.25.H19-231108-0009	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	08/11/2023	20/12/2023			-1	
160	000.00.22.H19-231108-0136	9. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	08/11/2023	20/12/2023			-1	
161	000.00.20.H19-231108-0001	Cấp giấy phép môi trường (cấp T	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	08/11/2023	26/12/2023			-1	
162	000.00.22.H19-231108-0191	9. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	08/11/2023	21/12/2023			-1	
163	000.00.25.H19-231108-0008	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	08/11/2023	20/12/2023			-1	

64	000.00.25.H19-231109-0092	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	09/11/2023	01/12/2023		-1	4
65	000.00.25.H19-231109-0056	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	09/11/2023	21/12/2023		-1	4
66	000.00.22.H19-231109-0225	9. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai	09/11/2023	22/12/2023		-1	4
67	000.00.20.H19-231109-0003	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	09/11/2023	27/11/2023		-1	4
68	000.00.08.H19-231109-0141	10. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng Nai	09/11/2023	28/12/2023		-1	4
69	000.00.25.H19-231109-0117	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	09/11/2023	22/12/2023		-1	4
70	000.00.25.H19-231110-0066	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	10/11/2023	22/12/2023		-1	4
71	000.00.25.H19-231110-0096	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	10/11/2023	25/12/2023		-1	5
72	000.00.11.H19-231110-0046	1. Đổi Giấy phép lái xe do ngành	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng Nai	10/11/2023	17/11/2023		-1	4
73	000.00.11.H19-231110-0435	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng Nai	10/11/2023	22/01/2024		-1	4
74	000.00.11.H19-231110-0049	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng Nai	10/11/2023	19/01/2024		-1	4
75	000.00.31.H19-231110-0045	Cấp giấy phép môi trường (cấp H)	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai	10/11/2023	22/12/2023		-1	5
76	000.48.22.H19-231110-0002	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	UBND phường Tam Phước	10/11/2023	19/12/2023		-1	1
77	000.00.08.H19-231110-0036	Cấp giấy phép môi trường (cấp T)	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng Nai	10/11/2023	22/12/2023		-1	4
78	000.00.08.H19-231110-0090	05. Thủ tục thu hồi đất vì mục đích	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng Nai	10/11/2023	04/12/2023		-1	4
79	000.00.12.H19-231110-0001	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện	Sở Y tế - tỉnh Đồng Nai	10/11/2023	08/12/2023		-1	4
80	000.00.29.H19-231110-0022	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đồng Nai	10/11/2023	01/12/2023		-1	4
81	000.00.20.H19-231110-0003	Cấp giấy phép môi trường (cấp T)	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	10/11/2023	28/12/2023		-1	4
82	000.00.22.H19-231111-0088	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai	11/11/2023	27/11/2023		-1	1
83	000.00.25.H19-231113-0090	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	13/11/2023	21/11/2023		-1	1
84	000.00.29.H19-231113-0005	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đồng Nai	13/11/2023	04/12/2023		-1	4
85	000.00.25.H19-231113-0024	20. Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	13/11/2023	04/12/2023		-1	1
86	000.00.25.H19-231113-0005	20. Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	13/11/2023	04/12/2023		-1	4
87	G22.99-231113-0102668	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản gốc	UBND thị trấn Dầu Giây	13/11/2023	02/01/2024	02/01/2024	50	10
88	000.00.25.H19-231113-0035	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	13/11/2023	25/12/2023		-1	4
89	000.00.25.H19-231113-0041	15. Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	13/11/2023	04/12/2023		-1	1
90	000.00.16.H19-231113-0043	Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	13/11/2023	21/11/2023		-1	1
91	000.00.31.H19-231113-0016	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai	13/11/2023	04/12/2023		-1	4
92	000.00.05.H19-231113-0005	5. Thủ tục đăng ký công bố hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ - tỉnh Đồng Nai	13/11/2023	21/11/2023		-1	1
93	000.00.07.H19-231113-0112	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	13/11/2023	15/11/2023		-1	1
94	000.00.26.H19-231113-0003	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Thống Nhất - tỉnh Đồng Nai	13/11/2023	04/12/2023		-1	4
95	000.00.29.H19-231113-0044	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đồng Nai	13/11/2023	04/12/2023		-1	4
96	000.00.29.H19-231113-0043	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đồng Nai	13/11/2023	04/12/2023		-1	4

197	000.00.25.H19-231113-0089	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	13/11/2023	21/11/2023			-1	
198	000.00.25.H19-231114-0080	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	14/11/2023	26/12/2023			-1	
199	000.00.25.H19-231114-0079	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	14/11/2023	26/12/2023			-1	
200	000.00.25.H19-231114-0082	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	14/11/2023	26/12/2023			-1	
201	000.00.25.H19-231114-0143	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	14/11/2023	27/12/2023			-1	
202	000.00.25.H19-231114-0083	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	14/11/2023	26/12/2023			-1	
203	000.00.29.H19-231114-0040	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đ	14/11/2023	05/12/2023			-1	
204	000.00.25.H19-231114-0081	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	14/11/2023	26/12/2023			-1	
205	000.00.25.H19-231114-0078	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	14/11/2023	26/12/2023			-1	
206	000.00.16.H19-231114-0042	Báo cáo giai trình nhu cầu, thay đ	Sở Lao động, Thương binh và Xã	14/11/2023	28/11/2023			-1	
207	000.00.23.H19-231114-0079	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND thành phố Long Khánh - tỉ	14/11/2023	06/12/2023			-1	
208	000.00.25.H19-231114-0084	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	14/11/2023	26/12/2023			-1	
209	000.00.25.H19-231115-0057	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	15/11/2023	06/12/2023			-1	
210	000.29.25.H19-231115-0013	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dự	UBND xã Xuân Hiệp	15/11/2023	07/12/2023			-1	
211	000.00.25.H19-231115-0008	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dự	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	15/11/2023	06/12/2023			-1	
212	000.00.25.H19-231115-0093	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	15/11/2023	28/12/2023			-1	
213	000.00.20.H19-231115-0002	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dự	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	15/11/2023	05/12/2023			-1	
214	000.00.31.H19-231115-0118	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	15/11/2023	28/12/2023			-1	
215	000.00.08.H19-231115-0101	09. Đăng ký và cấp Giấy chứng n	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉn	15/11/2023	27/12/2023			-1	
216	000.00.12.H19-231115-0001	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ đi	Sở Y tế - tỉnh Đồng Nai	15/11/2023	13/12/2023			-1	
217	000.00.12.H19-231115-0011	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ đi	Sở Y tế - tỉnh Đồng Nai	15/11/2023	13/12/2023			-1	
218	000.00.22.H19-231115-0058	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dự	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	15/11/2023	06/12/2023			-1	
219	000.00.22.H19-231115-0130	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dự	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	15/11/2023	06/12/2023			-1	
220	G22.99-231115-0107654	Thủ tục chứng thực bản sao từ b	UBND phường Hiệp Hòa	15/11/2023	05/01/2024	05/01/2024		51	1
221	000.00.25.H19-231116-0027	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	16/11/2023	28/12/2023			-1	
222	000.00.31.H19-231116-0015	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	16/11/2023	07/12/2023			-1	
223	000.00.27.H19-231116-0001	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dự	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng	16/11/2023	02/01/2024	04/01/2024		36	1
224	000.00.25.H19-231117-0092	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	17/11/2023	11/12/2023			-1	
225	000.26.32.H19-231116-0001	12. Đăng ký biến động quyền sử c	UBND xã Phú Hữu	17/11/2023	04/12/2023			-1	
226	000.00.25.H19-231117-0025	8. Đăng ký và cấp Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	17/11/2023	29/12/2023			-1	
227	000.00.25.H19-231117-0120	12. Đăng ký biến động quyền sử c	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	17/11/2023	04/12/2023			-1	
228	000.00.25.H19-231117-0122	12. Đăng ký biến động quyền sử c	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	17/11/2023	04/12/2023			-1	
229	000.00.25.H19-231117-0121	12. Đăng ký biến động quyền sử c	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	17/11/2023	04/12/2023			-1	
230	000.00.25.H19-231117-0111	15. Thủ tục đăng ký, cấp Giấy ch	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	17/11/2023	11/12/2023			-1	

31	000.00.11.H19-231117-0198	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	17/11/2023	26/01/2024		-1	4
32	000.00.11.H19-231117-0343	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	17/11/2023	26/01/2024		-1	4
33	000.00.11.H19-231117-0355	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	17/11/2023	26/01/2024		-1	4
34	000.00.20.H19-231117-0001	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	17/11/2023	12/12/2023		-1	4
35	000.37.23.H19-231117-0012	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND xã Hàng Gòn	17/11/2023	07/12/2023		-1	1
36	000.00.08.H19-231117-0127	31. Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng	17/11/2023	11/12/2023		-1	4
37	000.00.12.H19-231117-0013	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện	Sở Y tế - tỉnh Đồng Nai	17/11/2023	18/12/2023		-1	1
38	000.00.22.H19-231117-0047	2. Thủ tục giao đất, cho thuê đất công	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng	17/11/2023	15/12/2023		-1	5
39	000.00.25.H19-231117-0091	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	17/11/2023	11/12/2023		-1	4
40	000.00.25.H19-231118-0013	20. Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	18/11/2023	11/12/2023		-1	4
41	000.00.25.H19-231118-0025	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	18/11/2023	04/12/2023		-1	4
42	000.00.32.H19-231118-0015	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng	18/11/2023	04/12/2023		-1	4
43	000.23.26.H19-231120-0008	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND xã Bầu Hàm 2	20/11/2023	08/12/2023		-1	4
44	000.00.29.H19-231120-0057	16. Thủ tục đăng ký biến động về quyền	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đồng	20/11/2023	04/12/2023		-1	4
45	000.00.25.H19-231120-0030	16. Thủ tục đăng ký biến động về quyền	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	20/11/2023	04/12/2023		-1	1
46	000.00.25.H19-231120-0051	16. Thủ tục đăng ký biến động về quyền	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	20/11/2023	04/12/2023		-1	1
47	000.00.25.H19-231120-0052	16. Thủ tục đăng ký biến động về quyền	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	20/11/2023	04/12/2023		-1	1
48	000.00.25.H19-231120-0032	16. Thủ tục đăng ký biến động về quyền	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	20/11/2023	04/12/2023		-1	1
49	000.00.09.H19-231120-0078	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	20/11/2023	11/12/2023		-1	4
50	000.00.11.H19-231120-0006	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	20/11/2023	29/01/2024		-1	4
51	000.00.11.H19-231120-0347	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	20/11/2023	29/01/2024		-1	4
52	000.00.11.H19-231120-0238	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	20/11/2023	29/01/2024		-1	4
53	000.00.11.H19-231120-0146	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	20/11/2023	29/01/2024		-1	4
54	000.00.11.H19-231120-0004	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	20/11/2023	29/01/2024		-1	4
55	000.00.11.H19-231120-0103	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	20/11/2023	29/01/2024		-1	4
56	000.00.11.H19-231120-0058	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	20/11/2023	29/01/2024		-1	4
57	000.00.11.H19-231120-0241	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	20/11/2023	29/01/2024		-1	4
58	000.00.11.H19-231120-0007	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	20/11/2023	29/01/2024		-1	4
59	000.00.09.H19-231120-0079	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	20/11/2023	12/12/2023		-1	4
60	000.00.22.H19-231120-0163	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng	20/11/2023	05/12/2023		-1	1
61	000.00.25.H19-231120-0046	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	20/11/2023	04/12/2023		-1	4
62	000.00.25.H19-231121-0037	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	21/11/2023	03/01/2024		-1	4
63	000.29.31.H19-231117-0005	3. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất	UBND xã Đông Hòa	21/11/2023	12/12/2023		-1	4
64	000.00.25.H19-231121-0036	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	21/11/2023	03/01/2024		-1	4

265	000.00.25.H19-231121-0039	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	21/11/2023	03/01/2024			-1	
266	000.00.32.H19-231121-0014	2.Thủ tục giao đất, cho thuê đất c	UBND huyện Nhơn Trạch - tỉnh F	21/11/2023	19/12/2023			-1	
267	000.00.11.H19-231121-0198	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	21/11/2023	30/01/2024			-1	
268	000.00.11.H19-231121-0416	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	21/11/2023	31/01/2024			-1	
269	000.00.11.H19-231121-0050	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	21/11/2023	30/01/2024			-1	
270	000.00.11.H19-231121-0023	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	21/11/2023	30/01/2024			-1	
271	000.00.11.H19-231121-0431	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	21/11/2023	31/01/2024			-1	
272	000.00.25.H19-231121-0109	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dụ	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	21/11/2023	13/12/2023			-1	
273	000.37.23.H19-231120-0027	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Hàng Gòn	21/11/2023	08/12/2023			-1	
274	000.00.08.H19-231121-0104	08. Điều chỉnh quyết định thu hồi	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉn	21/11/2023	20/12/2023			-1	
275	000.00.08.H19-231020-0125	Tính tiền cấp quyền khai thác tài	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉn	21/11/2023	12/12/2023			-1	
276	000.00.12.H19-231121-0023	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng n	Sở Y tế - tỉnh Đồng Nai	21/11/2023	03/01/2024			-1	
277	000.00.27.H19-231121-0049	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng	21/11/2023	12/12/2023			-1	
278	000.00.27.H19-231121-0016	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng	21/11/2023	12/12/2023			-1	
279	000.00.27.H19-231121-0007	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng	21/11/2023	12/12/2023			-1	
280	000.00.22.H19-231121-0219	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	21/11/2023	04/01/2024	04/01/2024		32	1
281	000.00.25.H19-231121-0038	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	21/11/2023	03/01/2024			-1	
282	000.00.25.H19-231122-0061	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	22/11/2023	14/12/2023			-1	
283	000.00.31.H19-231122-0013	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh D	22/11/2023	04/01/2024			-1	
284	000.00.25.H19-231122-0065	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	22/11/2023	14/12/2023			-1	
285	000.00.25.H19-231122-0077	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	22/11/2023	14/12/2023			29	
286	000.00.25.H19-231122-0062	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	22/11/2023	14/12/2023			-1	
287	000.00.25.H19-231122-0064	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	22/11/2023	14/12/2023			-1	
288	000.00.25.H19-231122-0069	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	22/11/2023	14/12/2023			-1	
289	000.00.25.H19-231122-0063	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	22/11/2023	14/12/2023			-1	
290	000.00.25.H19-231122-0070	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	22/11/2023	14/12/2023			-1	
291	000.00.25.H19-231122-0066	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	22/11/2023	14/12/2023			-1	
292	000.00.11.H19-231122-0402	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	22/11/2023	01/02/2024			-1	
293	000.00.11.H19-231122-0298	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	22/11/2023	31/01/2024			-1	
294	000.00.11.H19-231122-0073	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	22/11/2023	31/01/2024			-1	
295	000.00.11.H19-231122-0206	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	22/11/2023	31/01/2024			-1	
296	000.00.11.H19-231122-0055	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	22/11/2023	31/01/2024			-1	
297	000.00.11.H19-231122-0226	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	22/11/2023	31/01/2024			-1	
298	000.00.25.H19-231122-0042	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dụ	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	22/11/2023	13/12/2023			-1	

99	000.34.28.H19-231120-0007	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND xã Phú Xuân	22/11/2023	07/12/2023		-1	4
00	000.00.07.H19-231122-0001	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	22/11/2023	29/01/2024	02/01/2024	42	10
01	000.00.08.H19-231122-0091	15. Đăng ký biến động về sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng Nai	22/11/2023	06/12/2023		-1	4
02	000.00.08.H19-231122-0073	15. Đăng ký biến động về sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng Nai	22/11/2023	06/12/2023		-1	4
03	000.00.08.H19-231122-0085	15. Đăng ký biến động về sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng Nai	22/11/2023	06/12/2023		-1	4
04	000.00.08.H19-231122-0077	15. Đăng ký biến động về sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng Nai	22/11/2023	06/12/2023		-1	4
05	000.00.09.H19-231122-0149	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	22/11/2023	14/12/2023		-1	1
06	000.00.22.H19-231122-0094	2. Thủ tục giao đất, cho thuê đất công	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai	22/11/2023	20/12/2023		-1	5
07	000.00.22.H19-231122-0149	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai	22/11/2023	14/12/2023		-1	4
08	000.00.25.H19-231122-0083	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	22/11/2023	14/12/2023		-1	5
09	000.00.25.H19-231123-0108	13. Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	08/01/2024		-1	5
10	000.00.25.H19-231123-0107	13. Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	08/01/2024		-1	5
11	000.00.25.H19-231123-0021	13. Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	05/01/2024		-1	5
12	000.00.25.H19-231123-0032	13. Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	05/01/2024		-1	5
13	000.00.32.H19-231123-0083	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	08/12/2023		-1	5
14	000.23.26.H19-231123-0001	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND xã Bầu Hàm 2	23/11/2023	07/12/2023		-1	4
15	000.00.09.H19-231123-0029	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	21/12/2023		-1	4
16	000.00.11.H19-231123-0028	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	01/02/2024		-1	4
17	000.00.11.H19-231123-0340	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	02/02/2024		-1	4
18	000.00.11.H19-231123-0143	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	01/02/2024		-1	4
19	000.00.11.H19-231123-0145	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	01/02/2024		-1	4
20	000.00.11.H19-231123-0343	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	02/02/2024		-1	4
21	000.22.27.H19-231118-0002	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND xã Bình Hòa	23/11/2023	08/12/2023		-1	4
22	000.00.09.H19-231123-0040	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	14/12/2023		-1	4
23	000.00.26.H19-231123-0054	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Thống Nhất - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	14/12/2023		-1	4
24	000.00.27.H19-231123-0015	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	14/12/2023		-1	5
25	000.00.27.H19-231123-0001	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	14/12/2023		-1	5
26	000.00.22.H19-231123-0225	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	08/12/2023		-1	1
27	000.00.22.H19-231123-0178	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	08/12/2023		-1	4
28	000.00.22.H19-231123-0155	10. Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	14/12/2023		-1	1
29	000.31.31.H19-231123-0003	Liên thông các thủ tục hành chính	UBND xã Hố Nai 3	23/11/2023	06/12/2023		-1	1
30	000.00.29.H19-231123-0020	9. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đồng Nai	23/11/2023	07/12/2023		-1	4
31	000.00.25.H19-231124-0031	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	24/11/2023	15/12/2023		-1	5
32	000.00.30.H19-231124-0018	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai	24/11/2023	05/01/2024	02/01/2024	27	10

333	000.00.25.H19-231124-0075	20. Thủ tục thu hồi Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	24/11/2023	18/12/2023			-1	
334	000.23.26.H19-231124-0002	Liên thông thủ tục hành chính về	UBND xã Bầu Hàm 2	24/11/2023	12/12/2023			-1	
335	000.35.30.H19-231124-0009	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND xã Phước Thái	24/11/2023	27/11/2023	02/01/2024		39	1
336	000.00.25.H19-231124-0017	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	24/11/2023	15/12/2023			-1	
337	000.00.25.H19-231124-0100	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	24/11/2023	18/12/2023			-1	
338	000.00.25.H19-231124-0101	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	24/11/2023	18/12/2023			-1	
339	000.00.25.H19-231124-0099	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	24/11/2023	18/12/2023			-1	
340	000.00.11.H19-231124-0011	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	24/11/2023	02/02/2024			-1	
341	000.00.11.H19-231124-0324	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	24/11/2023	02/02/2024			-1	
342	000.00.11.H19-231124-0368	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	24/11/2023	05/02/2024			-1	
343	000.00.11.H19-231124-0358	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	24/11/2023	05/02/2024			-1	
344	000.00.11.H19-231124-0271	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	24/11/2023	02/02/2024			-1	
345	000.00.11.H19-231124-0206	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	24/11/2023	02/02/2024			-1	
346	000.00.11.H19-231124-0158	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	24/11/2023	02/02/2024			-1	
347	000.00.11.H19-231124-0267	10. Cấp lại Giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	24/11/2023	02/02/2024			-1	
348	000.00.23.H19-231124-0025	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND thành phố Long Khánh - tỉ	24/11/2023	15/12/2023			-1	
349	000.00.24.H19-231124-0030	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND huyện Cẩm Mỹ - tỉnh Đ	24/11/2023	08/12/2023			-1	
350	000.00.31.H19-231124-0082	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	24/11/2023	18/12/2023			-1	
351	000.00.09.H19-231124-0008	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	24/11/2023	15/12/2023			-1	
352	000.00.12.H19-231124-0002	Cấp giấy xác nhận nội dung quản	Sở Y tế - tỉnh Đồng Nai	24/11/2023	06/12/2023			-1	
353	000.00.22.H19-231124-0115	2. Thủ tục giao đất, cho thuê đất c	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	24/11/2023	25/12/2023			-1	
354	000.00.30.H19-231124-0019	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND huyện Long Thành - tỉnh Đ	24/11/2023	05/01/2024	02/01/2024		27	1
355	000.00.25.H19-231124-0032	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	24/11/2023	15/12/2023			-1	
356	000.26.25.H19-231124-0010	3. Thủ tục chuyển mục đích sử d	UBND xã Suối Cát	25/11/2023	18/12/2023			-1	
357	000.26.25.H19-231124-0009	3. Thủ tục chuyển mục đích sử d	UBND xã Suối Cát	25/11/2023	18/12/2023			-1	
358	000.00.22.H19-231125-0034	3. Thủ tục chuyển mục đích sử d	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	25/11/2023	18/12/2023			-1	
359	000.00.09.H19-231125-0010	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	25/11/2023	11/12/2023			-1	
360	000.26.25.H19-231124-0008	3. Thủ tục chuyển mục đích sử d	UBND xã Suối Cát	25/11/2023	18/12/2023			-1	
361	000.00.25.H19-231127-0068	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	27/11/2023	18/12/2023			-1	
362	000.00.31.H19-231127-0038	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	27/11/2023	09/01/2024			-1	
363	000.29.27.H19-231124-0001	16. Thủ tục đăng ký biến động về	UBND xã Thanh Phú	27/11/2023	11/12/2023			-1	
364	000.29.27.H19-231124-0002	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND xã Thanh Phú	27/11/2023	06/12/2023			-1	
365	000.00.25.H19-231127-0081	19. Thủ tục đính chính Giấy chứng	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	27/11/2023	04/12/2023			-1	
366	000.00.25.H19-231127-0023	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	27/11/2023	18/12/2023			-1	

67	000.00.25.H19-231127-0020	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	27/11/2023	18/12/2023		-1	5
68	000.00.25.H19-231127-0019	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	27/11/2023	18/12/2023		-1	5
69	000.00.25.H19-231127-0021	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	27/11/2023	18/12/2023		-1	5
70	000.00.25.H19-231127-0009	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	27/11/2023	18/12/2023		-1	5
71	000.00.11.H19-231127-0001	1. Đòi Giấy phép lái xe do ngành	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Đồng	27/11/2023	04/12/2023		-1	1
72	000.00.31.H19-231127-0071	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	27/11/2023	19/12/2023		-1	5
73	000.23.27.H19-231127-0009	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dụn	UBND xã Bình Lợi	27/11/2023	18/12/2023	05/01/2024	29	10
74	000.23.27.H19-231127-0008	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dụn	UBND xã Bình Lợi	27/11/2023	18/12/2023	05/01/2024	29	10
75	000.23.27.H19-231127-0010	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dụn	UBND xã Bình Lợi	27/11/2023	18/12/2023	05/01/2024	29	10
76	000.23.27.H19-231127-0005	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dụn	UBND xã Bình Lợi	27/11/2023	18/12/2023	05/01/2024	29	10
77	000.23.27.H19-231127-0004	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dụn	UBND xã Bình Lợi	27/11/2023	18/12/2023	05/01/2024	29	10
78	000.00.07.H19-231127-0150	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/11/2023	14/12/2023		-1	1
79	000.00.09.H19-231127-0075	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	27/11/2023	18/12/2023		-1	4
80	000.00.09.H19-231127-0056	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	27/11/2023	11/12/2023		-1	4
81	000.00.09.H19-231127-0094	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	27/11/2023	12/12/2023		-1	4
82	000.00.12.H19-231127-0006	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều	Sở Y tế - tỉnh Đồng Nai	27/11/2023	25/12/2023		-1	4
83	000.00.30.H19-231127-0061	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Long Thành - tỉnh H	27/11/2023	08/01/2024	06/01/2024	30	10
84	000.27.27.H19-231123-0002	3.Thủ tục chuyển mục đích sử dụn	UBND xã Tân An	27/11/2023	18/12/2023		-1	4
85	000.29.27.H19-231123-0026	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Thạnh Phú	27/11/2023	11/12/2023		-1	4
86	000.00.25.H19-231128-0051	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	28/11/2023	20/12/2023		-1	5
87	000.00.30.H19-231128-0039	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Long Thành - tỉnh H	28/11/2023	19/12/2023		-1	5
88	000.00.25.H19-231128-0013	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	28/11/2023	19/12/2023		-1	5
89	000.00.20.H19-231128-0013	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư t	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	28/11/2023	14/12/2023		-1	4
90	000.00.20.H19-231128-0010	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	28/11/2023	18/12/2023		-1	4
91	000.00.20.H19-231128-0001	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	28/11/2023	18/12/2023		-1	4
92	000.00.20.H19-231128-0003	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	28/11/2023	18/12/2023		-1	4
93	000.00.20.H19-231128-0002	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	28/11/2023	18/12/2023		-1	4
94	000.31.28.H19-231128-0003	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND xã Phú Thạnh	28/11/2023	20/12/2023		-1	4
95	000.00.08.H19-231122-0107	Cấp giấy phép môi trường (cấp T	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉn	28/11/2023	05/12/2023		-1	1
96	000.00.09.H19-231128-0145	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	28/11/2023	20/12/2023		-1	4
97	000.00.09.H19-231128-0073	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	28/11/2023	19/12/2023		-1	4
98	000.00.09.H19-231128-0029	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	28/11/2023	19/12/2023		-1	4
99	000.00.09.H19-231128-0076	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	28/11/2023	12/12/2023		-1	1
00	000.00.22.H19-231128-0174	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	28/11/2023	13/12/2023		-1	5

401	000.00.30.H19-231128-0041	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Long Thành - tỉnh H	28/11/2023	19/12/2023			-1	
402	000.00.25.H19-231128-0026	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	28/11/2023	19/12/2023			-1	
403	000.00.25.H19-231129-0060	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	29/11/2023	21/12/2023			-1	
404	000.00.29.H19-231124-0042	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đ	29/11/2023	04/12/2023			-1	
405	000.00.32.H19-231129-0045	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Nhơn Trạch - tỉnh H	29/11/2023				-1	
406	000.29.25.H19-231129-0011	3. Thủ tục chuyển mục đích sử dụ	UBND xã Xuân Hiệp	29/11/2023	21/12/2023			-1	
407	000.23.26.H19-231129-0003	Liên thông thủ tục hành chính về	UBND xã Bầu Hàm 2	29/11/2023	15/12/2023			-1	
408	000.29.27.H19-231129-0011	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Thạnh Phú	29/11/2023	15/12/2023			-1	
409	000.29.27.H19-231125-0032	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Thạnh Phú	29/11/2023	13/12/2023			-1	
410	000.00.25.H19-231129-0061	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	29/11/2023	21/12/2023			-1	
411	000.00.09.H19-231129-0081	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	29/11/2023	20/12/2023			-1	
412	000.00.20.H19-231129-0002	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trư	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	29/11/2023	22/12/2023			-1	
413	000.00.23.H19-231129-0005	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND thành phố Long Khánh - tỉ	29/11/2023	20/12/2023			-1	
414	000.00.24.H19-231129-0017	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND huyện Cẩm Mỹ - tỉnh Đ	29/11/2023	13/12/2023			-1	
415	000.00.31.H19-231129-0007	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	29/11/2023	20/12/2023			-1	
416	000.37.23.H19-231129-0007	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Hàng Gòn	29/11/2023	18/12/2023			-1	
417	000.00.08.H19-231129-0040	15. Đăng ký biến động về sử dụng	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉ	29/11/2023	13/12/2023			-1	
418	000.00.08.H19-231129-0038	31. Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉ	29/11/2023	20/12/2023			-1	
419	000.00.09.H19-231129-0014	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	29/11/2023	20/12/2023			-1	
420	000.00.09.H19-231129-0077	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	29/11/2023	13/12/2023			-1	
421	000.00.09.H19-231129-0078	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	29/11/2023	13/12/2023			-1	
422	000.00.09.H19-231129-0082	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	29/11/2023	20/12/2023			-1	
423	000.00.09.H19-231129-0100	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	29/11/2023	21/12/2023			-1	
424	000.00.09.H19-231129-0032	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	29/11/2023	20/12/2023			-1	
425	000.00.09.H19-231129-0031	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	29/11/2023	20/12/2023			-1	
426	000.00.09.H19-231129-0080	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	29/11/2023	20/12/2023			-1	
427	000.00.09.H19-231129-0063	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	29/11/2023	20/12/2023			-1	
428	000.00.25.H19-231129-0004	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	29/11/2023	20/12/2023			-1	
429	000.00.25.H19-231130-0046	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	30/11/2023	21/12/2023			-1	
430	000.00.31.H19-231130-0126	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	30/11/2023	22/12/2023			-1	
431	000.00.25.H19-231130-0121	3. Thủ tục chuyển mục đích sử dụ	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	30/11/2023	22/12/2023			-1	
432	000.00.25.H19-231130-0086	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	30/11/2023	21/12/2023			-1	
433	000.00.25.H19-231130-0082	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	30/11/2023	21/12/2023			-1	
434	000.00.25.H19-231130-0081	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	30/11/2023	21/12/2023			-1	

35	000.00.25.H19-231130-0129	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	30/11/2023	22/12/2023	-1	4
36	000.00.25.H19-231130-0128	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	30/11/2023	22/12/2023	-1	4
37	000.22.27.H19-231130-0001	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Bình Hòa	30/11/2023	19/12/2023	-1	4
38	000.00.26.H19-231130-0078	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Thống Nhất - tỉnh Đ	30/11/2023	21/12/2023	-1	4
39	000.00.26.H19-231130-0098	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Thống Nhất - tỉnh Đ	30/11/2023	22/12/2023	-1	4
40	000.00.26.H19-231130-0079	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Thống Nhất - tỉnh Đ	30/11/2023	21/12/2023	-1	4
41	000.00.22.H19-231130-0174	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đ	30/11/2023	15/12/2023	-1	4
42	000.00.22.H19-231130-0177	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đ	30/11/2023	15/12/2023	-1	4
43	000.00.22.H19-231130-0180	15. Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chủ	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đ	30/11/2023	22/12/2023	-1	1
44	000.00.31.H19-231130-0062	15. Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chủ	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	30/11/2023	21/12/2023	-1	5
45	000.00.25.H19-231130-0077	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	30/11/2023	12/01/2024	-1	4
46	000.00.12.H19-231201-0011	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều	Sở Y tế - tỉnh Đồng Nai	01/12/2023	29/12/2023	-1	4
47	000.00.25.H19-231201-0012	20.Thủ tục thu hồi Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	01/12/2023	22/12/2023	-1	5
48	000.00.25.H19-231201-0007	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	01/12/2023	15/01/2024	-1	4
49	000.00.25.H19-231201-0006	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	01/12/2023	15/01/2024	-1	4
50	000.00.25.H19-231201-0044	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	01/12/2023	22/12/2023	-1	1
51	000.00.25.H19-231201-0075	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	01/12/2023	25/12/2023	-1	4
52	000.00.25.H19-231201-0074	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	01/12/2023	25/12/2023	-1	4
53	000.00.24.H19-231201-0047	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND huyện Cẩm Mỹ - tỉnh Đ	01/12/2023	15/12/2023	-1	5
54	000.00.09.H19-231201-0113	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	01/12/2023	25/12/2023	-1	1
55	000.00.08.H19-231201-0068	05. Thủ tục thu hồi đất vì mục đ	Sở Tài nguyên và Môi trường - t	01/12/2023	22/12/2023	-1	4
56	000.26.23.H19-231201-0001	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND phường Xuân Bình	01/12/2023	20/12/2023	-1	4
57	000.00.31.H19-231201-0030	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	01/12/2023	22/12/2023	-1	5
58	000.00.30.H19-231201-0082	24.Đăng ký biến động quyền sử d	UBND huyện Long Thành - tỉnh Đ	01/12/2023	02/01/2024	22	10
59	000.00.22.H19-231201-0146	3.Thủ tục chuyển mục đích sử d	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đ	01/12/2023	25/12/2023	-1	4
60	000.00.25.H19-231201-0017	6.Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	01/12/2023	22/12/2023	-1	5
61	000.00.25.H19-231202-0026	19.Thủ tục định chính Giấy chứng	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	02/12/2023	11/12/2023	-1	1
62	000.00.26.H19-231202-0002	3.Thủ tục chuyển mục đích sử d	UBND huyện Thống Nhất - tỉnh Đ	02/12/2023	25/12/2023	-1	4
63	000.00.25.H19-231202-0038	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	02/12/2023	25/12/2023	-1	5
64	000.22.27.H19-231202-0007	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Bình Hòa	02/12/2023	20/12/2023	-1	1
65	000.22.27.H19-231202-0004	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Bình Hòa	02/12/2023	20/12/2023	-1	1
66	000.22.27.H19-231202-0005	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND xã Bình Hòa	02/12/2023	12/12/2023	-1	1
67	000.22.27.H19-231202-0006	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND xã Bình Hòa	02/12/2023	12/12/2023	-1	1
68	000.00.25.H19-231202-0037	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	02/12/2023	25/12/2023	-1	5

469	000.00.23.H19-231204-0005	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND thành phố Long Khánh - tỉ	04/12/2023	25/12/2023			-1	
470	000.00.27.H19-231204-0064	3. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng	04/12/2023	26/12/2023			-1	
471	000.00.25.H19-231204-0042	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	04/12/2023	25/12/2023			-1	
472	000.00.25.H19-231204-0071	3. Thủ tục chuyển mục đích sử dụ	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	04/12/2023	26/12/2023			-1	
473	000.31.30.H19-231204-0012	Liên thông các thủ tục hành chính	UBND xã Long An	04/12/2023	22/12/2023			-1	
474	000.23.31.H19-231204-0013	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã An Viễn	04/12/2023	22/12/2023			-1	
475	000.00.29.H19-231204-0039	9. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đ	04/12/2023	18/12/2023			-1	
476	000.00.20.H19-231204-0004	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoả	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	04/12/2023	24/12/2023			-1	
477	000.29.27.H19-231204-0076	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Thanh Phú	04/12/2023	20/12/2023			-1	
478	000.00.25.H19-231204-0008	20. Thủ tục thu hồi Giấy chứng nh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	04/12/2023	25/12/2023			-1	
479	000.00.25.H19-231205-0005	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	05/12/2023	26/12/2023			-1	
480	000.00.28.H19-231205-0057	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND huyện Tân Phú - tỉnh Đồng	05/12/2023	20/12/2023			-1	
481	000.28.26.H19-231205-0002	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Hưng Lộc	05/12/2023	22/12/2023			-1	
482	000.00.14.H19-231205-0005	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề	Sở Xây dựng - tỉnh Đồng Nai	05/12/2023	25/12/2023			-1	
483	000.23.31.H19-231205-0005	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã An Viễn	05/12/2023	22/12/2023			-1	
484	000.00.31.H19-231205-0024	Quy trình đánh giá, xếp loại Công	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	05/12/2023	26/12/2023	04/01/2024		22	1
485	000.00.31.H19-231205-0028	Quy trình đánh giá, xếp loại Công	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	05/12/2023	26/12/2023	04/01/2024		22	1
486	000.00.31.H19-231205-0022	Quy trình đánh giá, xếp loại Công	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	05/12/2023	26/12/2023	04/01/2024		22	1
487	000.37.23.H19-231205-0024	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Hàng Gòn	05/12/2023	25/12/2023			-1	
488	000.37.23.H19-231205-0023	16. Thủ tục đăng ký biến động về	UBND xã Hàng Gòn	05/12/2023	22/12/2023			-1	
489	000.22.27.H19-231205-0007	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Bình Hòa	05/12/2023	22/12/2023			-1	
490	000.22.27.H19-231205-0006	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND xã Bình Hòa	05/12/2023	14/12/2023			-1	
491	000.00.08.H19-231205-0027	14. Cấp đổi Giấy chứng nhận quy	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉ	05/12/2023	14/12/2023			-1	
492	000.00.08.H19-231205-0112	01. Thủ tục thẩm định nhu cầu sử	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉ	05/12/2023	27/12/2023			-1	
493	000.00.08.H19-231205-0117	01. Thủ tục thẩm định nhu cầu sử	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉ	05/12/2023	27/12/2023			-1	
494	000.00.08.H19-231205-0082	Cấp giấy phép môi trường (cấp T	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉ	05/12/2023	19/12/2023			-1	
495	000.00.08.H19-231205-0025	15. Đăng ký biến động về sử dụng	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉ	05/12/2023	19/12/2023			-1	
496	000.00.09.H19-231205-0049	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	05/12/2023	19/12/2023			-1	
497	000.00.25.H19-231205-0041	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	05/12/2023	26/12/2023			-1	
498	000.00.25.H19-231205-0054	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	05/12/2023	26/12/2023			-1	
499	000.00.25.H19-231205-0076	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	05/12/2023	27/12/2023			-1	
500	000.00.27.H19-231206-0026	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng	06/12/2023	27/12/2023			-1	
501	000.00.25.H19-231206-0112	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	06/12/2023	28/12/2023			-1	
502	000.00.31.H19-231206-0088	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	06/12/2023	28/12/2023			-1	

03	000.32.23.H19-231206-0023	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND xã Bảo Quang	06/12/2023	26/12/2023		-1	4
04	000.26.25.H19-231206-0010	3. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất	UBND xã Suối Cát	06/12/2023	27/12/2023		-1	4
05	000.26.27.H19-231206-0005	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND xã Phú Lý	06/12/2023	15/12/2023		-1	4
06	000.00.08.H19-231206-0107	31. Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng Nai	06/12/2023	27/12/2023		-1	4
07	000.00.09.H19-231206-0065	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	06/12/2023	20/12/2023		-1	1
08	000.00.20.H19-231206-0009	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	06/12/2023	26/12/2023		-1	4
09	000.00.23.H19-231206-0036	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	UBND thành phố Long Khánh - tỉnh Đồng Nai	06/12/2023	27/12/2023		-1	5
10	000.00.25.H19-231206-0063	3. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	06/12/2023	27/12/2023		-1	4
11	000.00.25.H19-231206-0015	3. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	06/12/2023	27/12/2023		-1	4
12	000.00.25.H19-231206-0026	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	06/12/2023	27/12/2023		-1	5
13	000.00.25.H19-231206-0113	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	06/12/2023	28/12/2023		-1	5
14	000.00.31.H19-231206-0065	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai	06/12/2023	27/12/2023		-1	1
15	000.00.26.H19-231207-0080	3. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất	UBND huyện Thống Nhất - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023		-1	4
16	000.00.30.H19-231207-0065	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	21/12/2023		-1	5
17	000.31.31.H19-231207-0005	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND xã Hố Nai 3	07/12/2023	26/12/2023		-1	4
18	000.00.29.H19-231207-0048	3. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023		-1	5
19	000.00.31.H19-231207-0015	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023	04/01/2024	20	10
20	000.00.31.H19-231207-0027	Quy trình đánh giá, xếp loại Công trình	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023	04/01/2024	20	10
21	000.00.31.H19-231207-0030	Quy trình đánh giá, xếp loại Công trình	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023	04/01/2024	20	10
22	000.00.31.H19-231207-0029	Quy trình đánh giá, xếp loại Công trình	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023	04/01/2024	20	10
23	000.00.09.H19-231207-0017	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023		-1	4
24	000.00.25.H19-231207-0055	3. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023		-1	4
25	000.00.25.H19-231207-0035	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023		-1	5
26	000.00.25.H19-231207-0068	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023		-1	5
27	000.00.25.H19-231207-0057	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023		-1	4
28	000.00.25.H19-231207-0026	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023		-1	4
29	000.00.25.H19-231207-0030	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023		-1	5
30	000.00.25.H19-231207-0056	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023		-1	5
31	000.00.25.H19-231207-0036	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023		-1	5
32	000.00.25.H19-231207-0025	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	07/12/2023	28/12/2023		-1	5
33	000.28.28.H19-231207-0001	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND xã Phú Lập	07/12/2023	26/12/2023		-1	4
34	000.00.26.H19-231208-0035	Cấp giấy phép môi trường (cấp H)	UBND huyện Thống Nhất - tỉnh Đồng Nai	08/12/2023	18/12/2023	04/01/2024	19	10
35	000.00.26.H19-231208-0034	Cấp giấy phép môi trường (cấp H)	UBND huyện Thống Nhất - tỉnh Đồng Nai	08/12/2023	18/12/2023	04/01/2024	19	10
36	000.00.27.H19-231208-0051	Thủ tục thay đổi, cải chỉnh, bổ sung	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng Nai	08/12/2023	19/12/2023		-1	1

537	000.00.27.H19-231208-0049	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng	08/12/2023	19/12/2023			-1	
538	000.00.22.H19-231208-0172	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	08/12/2023	20/12/2023			-1	
539	000.00.22.H19-231208-0056	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	08/12/2023	29/12/2023			-1	
540	000.00.22.H19-231208-0055	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	08/12/2023	29/12/2023			-1	
541	000.36.23.H19-231208-0001	16. Thủ tục đăng ký biến động về	UBND xã Bình Lộc	08/12/2023	27/12/2023	02/01/2024		17	1
542	000.00.08.H19-231208-0106	15. Đăng ký biến động về sử dụng	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉn	08/12/2023	25/12/2023			-1	
543	000.00.08.H19-231208-0105	15. Đăng ký biến động về sử dụng	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉn	08/12/2023	25/12/2023			-1	
544	000.00.20.H19-231208-0005	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	08/12/2023	28/12/2023			-1	
545	000.00.23.H19-231208-0027	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND thành phố Long Khánh - tỉ	08/12/2023	29/12/2023			-1	
546	000.00.25.H19-231208-0022	14. Đăng ký chuyển mục đích sử d	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	08/12/2023	29/12/2023			-1	
547	000.00.25.H19-231208-0033	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	08/12/2023	29/12/2023			-1	
548	000.00.25.H19-231208-0032	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	08/12/2023	29/12/2023			-1	
549	000.00.25.H19-231208-0031	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	08/12/2023	29/12/2023			-1	
550	000.00.25.H19-231208-0030	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	08/12/2023	29/12/2023			-1	
551	000.00.25.H19-231208-0053	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	08/12/2023	29/12/2023			-1	
552	000.00.25.H19-231208-0064	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	08/12/2023	02/01/2024			-1	
553	000.00.25.H19-231208-0049	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	08/12/2023	22/01/2024			-1	
554	000.00.25.H19-231208-0082	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	08/12/2023	23/01/2024			-1	
555	000.00.25.H19-231208-0013	6. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	08/12/2023	29/12/2023			-1	
556	000.23.26.H19-231208-0001	Liên thông thủ tục hành chính về	UBND xã Bầu Hàm 2	08/12/2023	26/12/2023			-1	
557	000.29.27.H19-231208-0001	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Thạnh Phú	08/12/2023	25/12/2023			-1	
558	000.00.29.H19-231209-0004	3. Thủ tục chuyển mục đích sử d	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đ	09/12/2023	29/12/2023			-1	
559	000.00.26.H19-231211-0014	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Thống Nhất - tỉnh F	11/12/2023	02/01/2024	02/01/2024		15	1
560	000.00.22.H19-231211-0108	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	11/12/2023	12/12/2023			-1	
561	000.00.22.H19-231211-0225	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	11/12/2023	26/12/2023			-1	
562	000.00.22.H19-231211-0224	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh	11/12/2023	26/12/2023			-1	
563	000.47.22.H19-231211-0004	Liên thông các thủ tục hành chính	UBND phường Phước Tân	11/12/2023	25/12/2023			-1	
564	000.00.08.H19-231211-0080	15. Đăng ký biến động về sử dụng	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉn	11/12/2023	25/12/2023			-1	
565	000.00.09.H19-231211-0062	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024			22	
566	000.00.09.H19-231211-0064	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024			22	
567	000.00.09.H19-231211-0130	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	03/01/2024			23	
568	000.00.09.H19-231211-0142	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	03/01/2024	04/01/2024		23	
569	000.00.09.H19-231211-0105	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024			22	
570	000.00.09.H19-231211-0036	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024			22	

71	000.00.09.H19-231211-0099	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024		22	9
72	000.00.09.H19-231211-0143	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	03/01/2024		23	9
73	000.00.09.H19-231211-0096	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024		22	9
74	000.00.09.H19-231211-0110	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024	03/01/2024	22	9
75	000.00.25.H19-231211-0078	14. Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	03/01/2024		-1	5
76	000.00.25.H19-231211-0012	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024		-1	5
77	000.00.25.H19-231211-0011	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024		-1	5
78	000.00.25.H19-231211-0017	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024		-1	5
79	000.00.25.H19-231211-0016	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024		-1	5
80	000.00.25.H19-231211-0051	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024		-1	4
81	000.00.25.H19-231211-0015	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024		-1	5
82	000.00.25.H19-231211-0052	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024		-1	4
83	000.00.25.H19-231211-0014	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024		-1	5
84	000.00.25.H19-231211-0013	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024		-1	5
85	000.00.25.H19-231211-0047	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	11/12/2023	02/01/2024		-1	5
86	000.23.26.H19-231211-0006	Liên thông thủ tục hành chính về đất đai	UBND xã Bầu Hàm 2	11/12/2023	27/12/2023		-1	4
87	000.27.26.H19-231211-0001	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND xã Gia Tân 3	11/12/2023	28/12/2023		-1	4
88	000.25.31.H19-231212-0003	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND xã Bầu Hàm	12/12/2023	05/01/2024	06/01/2024	19	4
89	000.23.28.H19-231212-0010	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND xã Núi Tượng	12/12/2023	29/12/2023		-1	4
90	000.00.09.H19-231212-0083	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		21	9
91	000.00.09.H19-231212-0044	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		22	9
92	000.00.09.H19-231212-0130	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	04/01/2024		-1	1
93	000.00.09.H19-231212-0003	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024	04/01/2024	22	9
94	000.00.09.H19-231212-0050	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		22	9
95	000.00.09.H19-231212-0038	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		21	9
96	000.00.09.H19-231212-0052	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		21	9
97	000.00.09.H19-231212-0032	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		21	9
98	000.00.09.H19-231212-0046	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		22	9
99	000.00.09.H19-231212-0001	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		22	9
100	000.00.09.H19-231212-0014	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		22	9
101	000.00.09.H19-231212-0008	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		22	9
102	000.00.09.H19-231212-0102	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		21	9
103	000.00.09.H19-231212-0109	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		21	9
104	000.00.09.H19-231212-0086	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		21	9

605	000.00.09.H19-231212-0065	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho còn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		21	
606	000.00.09.H19-231212-0098	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho còn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		21	
607	000.00.09.H19-231212-0126	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho còn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	04/01/2024		-1	
608	000.00.09.H19-231212-0011	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho còn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		22	
609	000.00.09.H19-231212-0002	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho còn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024		22	
610	000.00.09.H19-231212-0139	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho còn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	04/01/2024		-1	
611	000.00.09.H19-231212-0075	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho còn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024	04/01/2024	21	
612	000.00.09.H19-231212-0031	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho còn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	12/12/2023	03/01/2024	03/01/2024	21	
613	000.00.25.H19-231212-0054	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	03/01/2024		15	
614	000.00.25.H19-231212-0078	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	04/01/2024	05/01/2024	16	1
615	000.00.25.H19-231212-0014	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	03/01/2024	03/01/2024	15	1
616	000.00.25.H19-231212-0095	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	04/01/2024		15	
617	000.00.25.H19-231212-0082	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	04/01/2024	04/01/2024	16	1
618	000.00.25.H19-231212-0091	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	04/01/2024		15	
619	000.00.25.H19-231212-0096	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	04/01/2024		15	
620	000.00.25.H19-231212-0067	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	03/01/2024	03/01/2024	15	1
621	000.00.25.H19-231212-0021	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	03/01/2024		15	
622	000.00.25.H19-231212-0089	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	04/01/2024		-1	
623	000.00.25.H19-231212-0052	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	03/01/2024	04/01/2024	15	1
624	000.00.25.H19-231212-0086	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	04/01/2024		16	
625	000.00.25.H19-231212-0038	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	03/01/2024		15	
626	000.00.25.H19-231212-0039	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	03/01/2024		15	
627	000.00.25.H19-231212-0064	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	03/01/2024		-1	
628	000.00.25.H19-231212-0033	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	03/01/2024	04/01/2024	15	1
629	000.00.25.H19-231212-0087	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	04/01/2024		16	
630	000.00.25.H19-231212-0076	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	04/01/2024	04/01/2024	16	1
631	000.00.25.H19-231212-0026	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	03/01/2024	03/01/2024	15	1
632	000.00.25.H19-231212-0025	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	03/01/2024	03/01/2024	15	1
633	000.00.25.H19-231212-0079	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	04/01/2024	05/01/2024	16	1
634	000.00.25.H19-231212-0035	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	03/01/2024	04/01/2024	15	1
635	000.00.25.H19-231212-0080	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	04/01/2024	05/01/2024	16	1
636	000.00.25.H19-231212-0088	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	12/12/2023	25/01/2024		-1	
637	000.31.22.H19-231212-0005	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình tr	UBND phường Tam Hòa	12/12/2023	15/12/2023		-1	
638	000.29.27.H19-231212-0002	16. Thủ tục đăng ký biến động về	UBND xã Thanh Phú	12/12/2023	27/12/2023		-1	

39	000.29.27.H19-231212-0001	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND xã Thạnh Phú	12/12/2023	03/01/2024		-1	4
40	000.22.28.H19-231212-0001	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Nam Cát Tiên	12/12/2023	29/12/2023		-1	4
41	000.00.30.H19-231213-0015	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Long Thành - tỉnh H	13/12/2023	04/01/2024	03/01/2024	16	10
42	000.00.30.H19-231213-0013	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Long Thành - tỉnh H	13/12/2023	04/01/2024	03/01/2024	16	10
43	000.00.30.H19-231213-0012	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Long Thành - tỉnh H	13/12/2023	04/01/2024	03/01/2024	16	10
44	000.32.31.H19-231213-0004	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Hưng Thịnh	13/12/2023	03/01/2024		-1	4
45	000.00.31.H19-231213-0012	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	13/12/2023	27/12/2023		-1	4
46	000.00.31.H19-231213-0006	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	13/12/2023	04/01/2024		-1	4
47	000.00.02.H19-231213-0002	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bả	Sở Thông tin và Truyền thông - tỉ	13/12/2023	20/12/2023		-1	4
48	000.00.09.H19-231213-0061	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	13/12/2023	04/01/2024		-1	4
49	000.00.09.H19-231213-0051	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	13/12/2023	04/01/2024	04/01/2024	22	4
50	000.00.09.H19-231213-0043	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	13/12/2023	04/01/2024		-1	4
51	000.00.09.H19-231213-0057	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	13/12/2023	04/01/2024		-1	4
52	000.00.09.H19-231213-0012	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	13/12/2023	04/01/2024		-1	4
53	000.00.09.H19-231213-0013	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	13/12/2023	04/01/2024		-1	4
54	000.00.09.H19-231213-0024	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	13/12/2023	04/01/2024		-1	4
55	000.00.09.H19-231213-0048	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	13/12/2023	04/01/2024		-1	4
56	000.00.09.H19-231213-0033	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho côn	Sở Tư pháp - tỉnh Đồng Nai	13/12/2023	04/01/2024		-1	4
57	000.00.24.H19-231213-0050	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Cẩm Mỹ - tỉnh Đồng	13/12/2023	04/01/2024		-1	5
58	000.00.25.H19-231213-0050	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	04/01/2024		-1	5
59	000.00.25.H19-231213-0104	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	05/01/2024		-1	4
60	000.00.25.H19-231213-0036	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	04/01/2024		15	9
61	000.00.25.H19-231213-0083	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	05/01/2024		-1	5
62	000.00.25.H19-231213-0007	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	04/01/2024	04/01/2024	15	10
63	000.00.25.H19-231213-0070	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	05/01/2024	05/01/2024	17	10
64	000.00.25.H19-231213-0008	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	04/01/2024	04/01/2024	15	10
65	000.00.25.H19-231213-0048	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	04/01/2024		15	9
66	000.00.25.H19-231213-0023	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	04/01/2024	05/01/2024	15	10
67	000.00.25.H19-231213-0021	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	04/01/2024	04/01/2024	15	10
68	000.00.25.H19-231213-0087	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	05/01/2024		-1	5
69	000.00.25.H19-231213-0027	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	04/01/2024	05/01/2024	15	10
70	000.00.25.H19-231213-0091	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	05/01/2024		-1	5
71	000.00.25.H19-231213-0025	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	04/01/2024	05/01/2024	15	10
72	000.00.25.H19-231213-0026	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đò	13/12/2023	04/01/2024	05/01/2024	15	10

673	000.00.25.H19-231213-0024	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	04/01/2024	05/01/2024	15	1
674	000.00.25.H19-231213-0004	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	04/01/2024		15	
675	000.00.25.H19-231213-0090	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024		-1	
676	000.00.25.H19-231213-0105	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024		-1	
677	000.00.25.H19-231213-0062	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024	05/01/2024	17	1
678	000.00.25.H19-231213-0068	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024	05/01/2024	17	1
679	000.00.25.H19-231213-0097	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024	05/01/2024	17	1
680	000.00.25.H19-231213-0013	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	04/01/2024	05/01/2024	15	1
681	000.00.25.H19-231213-0085	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024		-1	
682	000.00.25.H19-231213-0009	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	04/01/2024	05/01/2024	15	1
683	000.00.25.H19-231213-0086	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024		-1	
684	000.00.25.H19-231213-0042	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	04/01/2024	05/01/2024	15	1
685	000.00.25.H19-231213-0089	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024		-1	
686	000.00.25.H19-231213-0092	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024		-1	
687	000.00.25.H19-231213-0103	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024		-1	
688	000.00.25.H19-231213-0088	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024		-1	
689	000.00.25.H19-231213-0102	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	04/01/2024	05/01/2024	15	1
690	000.00.25.H19-231213-0041	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024		-1	
691	000.00.25.H19-231213-0063	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024	05/01/2024	17	1
692	000.00.25.H19-231213-0084	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024		-1	
693	000.00.25.H19-231213-0098	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đ	13/12/2023	21/12/2023		-1	
694	000.00.28.H19-231213-0085	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Tân Phú - tỉnh Đ	13/12/2023	05/01/2024		-1	
695	000.00.32.H19-231213-0044	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND huyện Nhơn Trạch - tỉnh F	13/12/2023	28/12/2023		-1	
696	000.29.25.H19-231213-0006	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Xuân Hiệp	13/12/2023	02/01/2024		-1	
697	000.29.25.H19-231213-0002	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND xã Xuân Hiệp	13/12/2023	16/01/2024	05/01/2024	18	
698	000.29.27.H19-231213-0001	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Thạnh Phú	13/12/2023	29/12/2023		-1	
699	000.00.26.H19-231214-0003	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Thống Nhất - tỉnh F	14/12/2023	05/01/2024	03/01/2024	14	
700	000.00.27.H19-231214-0051	16. Thủ tục đăng ký biến động về	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đ	14/12/2023	28/12/2023		-1	
701	000.00.22.H19-231214-0036	13. Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh F	14/12/2023	26/01/2024		-1	
702	000.00.30.H19-231214-0058	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND huyện Long Thành - tỉnh F	14/12/2023	28/12/2023		-1	
703	000.00.30.H19-231214-0055	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND huyện Long Thành - tỉnh F	14/12/2023	28/12/2023		-1	
704	000.34.31.H19-231214-0004	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Sông Thao	14/12/2023	03/01/2024		-1	
705	000.34.31.H19-231214-0005	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Sông Thao	14/12/2023	03/01/2024		-1	
706	000.34.31.H19-231214-0003	12. Đăng ký biến động quyền sử d	UBND xã Sông Thao	14/12/2023	03/01/2024		-1	

07	000.00.31.H19-231214-0099	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	29/12/2023		-1	4
08	000.00.25.H19-231214-0098	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	08/01/2024		-1	4
09	000.00.25.H19-231214-0048	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024	05/01/2024	17	10
10	000.00.25.H19-231214-0051	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024		-1	4
11	000.00.25.H19-231214-0011	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024		-1	4
12	000.00.25.H19-231214-0022	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024		-1	4
13	000.00.25.H19-231214-0031	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024	05/01/2024	17	10
14	000.00.25.H19-231214-0044	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024	05/01/2024	17	10
15	000.00.25.H19-231214-0074	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	08/01/2024		-1	4
16	000.00.25.H19-231214-0030	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024	05/01/2024	17	10
17	000.00.25.H19-231214-0097	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	08/01/2024		-1	4
18	000.00.25.H19-231214-0095	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	08/01/2024		-1	4
19	000.00.25.H19-231214-0056	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	08/01/2024		-1	4
20	000.00.25.H19-231214-0075	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024	05/01/2024	17	10
21	000.00.25.H19-231214-0050	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	08/01/2024		-1	4
22	000.00.25.H19-231214-0059	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024		-1	4
23	000.00.25.H19-231214-0032	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024	05/01/2024	17	10
24	000.00.25.H19-231214-0060	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024		-1	4
25	000.00.25.H19-231214-0073	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	08/01/2024		-1	4
26	000.00.25.H19-231214-0035	13. Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	26/01/2024		-1	5
27	000.00.25.H19-231214-0036	13. Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	26/01/2024		-1	5
28	000.00.28.H19-231214-0001	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Tân Phú - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024		-1	4
29	000.00.28.H19-231214-0060	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Tân Phú - tỉnh Đồng Nai	14/12/2023	05/01/2024		-1	4
30	000.23.26.H19-231214-0012	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND xã Bàu Hàm 2	14/12/2023	09/01/2024		-1	4
31	000.27.26.H19-231214-0003	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND xã Gia Tân 3	14/12/2023	03/01/2024		-1	4
32	000.27.26.H19-231214-0006	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND xã Gia Tân 3	14/12/2023	09/01/2024		-1	4
33	000.30.27.H19-231214-0027	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND xã Thiện Tân	14/12/2023	02/01/2024		-1	4
34	000.00.22.H19-231215-0159	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	09/01/2024	04/01/2024	12	10
35	000.00.31.H19-231215-0081	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	29/12/2023		-1	5
36	000.00.31.H19-231215-0080	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	29/12/2023		-1	5
37	000.00.31.H19-231215-0075	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024		-1	5
38	000.00.08.H19-231215-0164	Xóa đăng ký biến động pháp bảo đảm tài sản	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024	05/01/2024	15	10
39	000.00.08.H19-231215-0167	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm tài sản	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024	05/01/2024	15	10
40	000.00.23.H19-231215-0018	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND thành phố Long Khánh - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024		-1	4

741	000.00.24.H19-231215-0024	12. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất	UBND huyện Cẩm Mỹ - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	29/12/2023				-1	
742	000.00.25.H19-231215-0106	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	09/01/2024				-1	
743	000.00.25.H19-231215-0091	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	09/01/2024				-1	
744	000.00.25.H19-231215-0095	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	09/01/2024				-1	
745	000.00.25.H19-231215-0084	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	09/01/2024				-1	
746	000.00.25.H19-231215-0097	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	09/01/2024				-1	
747	000.00.25.H19-231215-0094	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	09/01/2024				-1	
748	000.00.25.H19-231215-0055	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
749	000.00.25.H19-231215-0027	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
750	000.00.25.H19-231215-0039	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
751	000.00.25.H19-231215-0051	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
752	000.00.25.H19-231215-0025	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
753	000.00.25.H19-231215-0049	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
754	000.00.25.H19-231215-0108	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	09/01/2024				12	
755	000.00.25.H19-231215-0056	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
756	000.00.25.H19-231215-0050	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
757	000.00.25.H19-231215-0037	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
758	000.00.25.H19-231215-0059	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
759	000.00.25.H19-231215-0026	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
760	000.00.25.H19-231215-0024	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
761	000.00.25.H19-231215-0046	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
762	000.00.25.H19-231215-0022	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
763	000.00.25.H19-231215-0045	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
764	000.00.25.H19-231215-0007	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
765	000.00.25.H19-231215-0081	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	09/01/2024				-1	
766	000.00.25.H19-231215-0083	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	09/01/2024				-1	
767	000.00.25.H19-231215-0080	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	09/01/2024				-1	
768	000.00.25.H19-231215-0004	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai	15/12/2023	08/01/2024				-1	
769	000.32.22.H19-231215-0008	Liên thông các thủ tục hành chính	UBND phường Tân Biên	15/12/2023	29/12/2023				-1	
770	000.35.25.H19-231215-0018	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	UBND xã Xuân Thọ	15/12/2023	10/01/2024	05/01/2024			15	
771	G22.99-231216-0100817	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản gốc	Phòng Tư pháp	16/12/2023	02/01/2024	02/01/2024			17	
772	G22.99-231216-0100829	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản gốc	Phòng Tư pháp	16/12/2023	02/01/2024	02/01/2024			17	
773	G22.99-231216-0100815	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản gốc	Phòng Tư pháp	16/12/2023	02/01/2024	02/01/2024			17	
774	G22.99-231216-0100836	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản gốc	Phòng Tư pháp	16/12/2023	02/01/2024	02/01/2024			17	

[illegible]

809	000.00.25.H19-231218-0058	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	18/12/2023	09/01/2024			-1
810	000.00.25.H19-231218-0041	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	18/12/2023	09/01/2024			-1
811	000.00.25.H19-231218-0026	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	18/12/2023	09/01/2024			-1
812	000.00.25.H19-231218-0040	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	18/12/2023	09/01/2024			-1
813	000.00.25.H19-231218-0004	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	18/12/2023	09/01/2024			-1
814	000.30.22.H19-231218-0028	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình tr	UBND phường Tam Hiệp	18/12/2023	22/12/2023			-1
815	G22.99-231218-0100999	Thủ tục chứng thực bản sao từ bả	UBND phường Hòa An	18/12/2023	05/01/2024	05/01/2024		18
816	000.00.30.H19-231219-0039	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Long Thành - tỉnh H	19/12/2023	10/01/2024			-1
817	000.00.31.H19-231219-0016	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng	UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đ	19/12/2023	21/12/2023			-1
818	000.26.27.H19-231219-0016	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND xã Phú Lý	19/12/2023	28/12/2023			-1
819	000.26.27.H19-231219-0017	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND xã Phú Lý	19/12/2023	28/12/2023			-1
820	000.26.27.H19-231219-0020	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND xã Phú Lý	19/12/2023	28/12/2023			-1
821	000.26.27.H19-231219-0018	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND xã Phú Lý	19/12/2023	28/12/2023			-1
822	000.26.27.H19-231219-0015	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND xã Phú Lý	19/12/2023	28/12/2023			-1
823	000.26.27.H19-231219-0013	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND xã Phú Lý	19/12/2023	28/12/2023			-1
824	000.26.27.H19-231219-0019	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND xã Phú Lý	19/12/2023	28/12/2023			-1
825	000.26.27.H19-231219-0014	17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất	UBND xã Phú Lý	19/12/2023	28/12/2023			-1
826	000.00.25.H19-231219-0101	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	11/01/2024			-1
827	000.00.25.H19-231219-0012	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024			-1
828	000.00.25.H19-231219-0095	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	11/01/2024	05/01/2024		13
829	000.00.25.H19-231219-0042	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024			-1
830	000.00.25.H19-231219-0015	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024			-1
831	000.00.25.H19-231219-0092	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	11/01/2024			-1
832	000.00.25.H19-231219-0070	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024			-1
833	000.00.25.H19-231219-0037	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024	04/01/2024		12
834	000.00.25.H19-231219-0036	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024	04/01/2024		12
835	000.00.25.H19-231219-0094	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	11/01/2024	05/01/2024		13
836	000.00.25.H19-231219-0058	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024			-1
837	000.00.25.H19-231219-0039	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024			-1
838	000.00.25.H19-231219-0038	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024			-1
839	000.00.25.H19-231219-0068	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024			-1
840	000.00.25.H19-231219-0100	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	11/01/2024			-1
841	000.00.25.H19-231219-0008	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024			-1
842	000.00.25.H19-231219-0099	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng n	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	11/01/2024			-1

13	000.00.25.H19-231219-0090	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	11/01/2024		-1	4
14	000.00.25.H19-231219-0040	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024		-1	4
15	000.00.25.H19-231219-0014	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024		-1	4
16	000.00.25.H19-231219-0072	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024		-1	4
17	000.00.25.H19-231219-0067	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024	05/01/2024	13	10
18	000.00.25.H19-231219-0059	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024		-1	4
19	000.00.25.H19-231219-0003	18. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	19/12/2023	10/01/2024		-1	4
20	G22.99-231219-0106278	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Xuân Hòa	19/12/2023	04/01/2024	04/01/2024	16	10
21	G22.99-231219-0106316	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Xuân Hòa	19/12/2023	04/01/2024	04/01/2024	16	10
22	000.48.22.H19-231220-0047	Thủ tục chứng thực chữ ký trong	UBND phường Tam Phước	20/12/2023	22/12/2023		-1	1
23	000.00.16.H19-231220-0059	Đăng ký nội quy lao động của doanh	Sở Lao động, Thương binh và Xã	20/12/2023	02/01/2024		11	9
24	000.00.24.H19-231220-0036	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	UBND huyện Cẩm Mỹ - tỉnh Đồng	20/12/2023	25/12/2023		-1	4
25	000.48.22.H19-231221-0054	Thủ tục chứng thực chữ ký trong	UBND phường Tam Phước	21/12/2023	25/12/2023		-1	1
26	000.00.25.H19-231225-0029	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	UBND huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng	25/12/2023	28/12/2023		-1	4
27	G22.99-231226-0107930	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Bảo Bình	26/12/2023	02/01/2024	02/01/2024	7	10
28	G22.99-231226-0108389	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Bảo Bình	26/12/2023	02/01/2024	02/01/2024	7	10
29	G22.99-231226-0108234	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Bảo Bình	26/12/2023	02/01/2024	02/01/2024	7	10
30	G22.99-231226-0108397	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Bảo Bình	26/12/2023	02/01/2024	02/01/2024	7	10
31	G22.99-231226-0108308	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Bảo Bình	26/12/2023	02/01/2024	02/01/2024	7	10
32	G22.99-231226-0108167	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Bảo Bình	26/12/2023	02/01/2024	02/01/2024	7	10
33	G22.99-231226-0107913	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Bảo Bình	26/12/2023	02/01/2024	02/01/2024	7	10
34	G22.99-231226-0108314	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Bảo Bình	26/12/2023	02/01/2024	02/01/2024	7	10
35	G22.99-231226-0108205	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Bảo Bình	26/12/2023	02/01/2024	02/01/2024	7	10
36	G22.99-231226-0108532	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Bảo Bình	26/12/2023	02/01/2024	02/01/2024	7	10
37	000.31.29.H19-231226-0003	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Phú Túc	26/12/2023	27/12/2023		-1	1
38	000.25.29.H19-231226-0001	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND xã Ngọc Định	26/12/2023	27/12/2023		-1	4
39	000.00.07.H19-231227-0542	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
40	000.00.07.H19-231227-0554	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
41	000.00.07.H19-231227-0587	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
42	000.00.07.H19-231227-0570	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
43	000.00.07.H19-231227-0571	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
44	000.00.07.H19-231227-0588	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
45	000.00.07.H19-231227-0585	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
46	000.00.07.H19-231227-0581	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023		-1	4

877	000.00.07.H19-231227-0566	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
878	000.00.07.H19-231227-0546	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
879	000.00.07.H19-231227-0553	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
880	000.00.07.H19-231227-0589	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
881	000.00.07.H19-231227-0557	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
882	000.00.07.H19-231227-0583	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
883	000.00.07.H19-231227-0538	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
884	000.00.07.H19-231227-0580	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
885	000.00.07.H19-231227-0586	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
886	000.00.07.H19-231227-0545	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
887	000.00.07.H19-231227-0562	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
888	000.00.07.H19-231227-0559	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
889	000.00.07.H19-231227-0560	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
890	000.00.07.H19-231227-0550	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
891	000.00.07.H19-231227-0539	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
892	000.00.07.H19-231227-0563	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
893	000.00.07.H19-231227-0582	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
894	000.00.07.H19-231227-0574	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
895	000.00.07.H19-231227-0536	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
896	000.00.07.H19-231227-0576	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
897	000.00.07.H19-231227-0561	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
898	000.00.07.H19-231227-0565	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
899	000.00.07.H19-231227-0532	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
900	000.00.07.H19-231227-0527	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
901	000.00.07.H19-231227-0529	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
902	000.00.07.H19-231227-0533	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
903	000.00.07.H19-231227-0526	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
904	000.00.07.H19-231227-0528	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
905	000.00.07.H19-231227-0530	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
906	000.00.07.H19-231227-0535	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
907	000.00.07.H19-231227-0534	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
908	000.23.22.H19-231227-0042	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Bửu Long	27/12/2023	29/12/2023			-1	
909	000.28.22.H19-231227-0011	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND phường Quang Vinh	27/12/2023	29/12/2023			-1	
910	000.30.30.H19-231227-0037	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND xã Lộc An	27/12/2023	29/12/2023			-1	

1	000.00.29.H19-231227-0043	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đ	27/12/2023	29/12/2023		-1	1
2	000.37.22.H19-231227-0133	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
3	000.37.22.H19-231227-0137	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
4	000.37.22.H19-231227-0146	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
5	000.37.22.H19-231227-0144	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
6	000.37.22.H19-231227-0136	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
7	000.37.22.H19-231227-0135	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
8	000.37.22.H19-231227-0139	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
9	000.37.22.H19-231227-0138	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
10	000.37.22.H19-231227-0142	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
11	000.37.22.H19-231227-0141	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
12	000.37.22.H19-231227-0145	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
13	000.37.22.H19-231227-0147	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
14	000.37.22.H19-231227-0153	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
15	000.37.22.H19-231227-0150	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
16	000.37.22.H19-231227-0134	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
17	000.37.22.H19-231227-0154	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
18	000.37.22.H19-231227-0143	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
19	000.37.22.H19-231227-0140	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
20	000.37.22.H19-231227-0152	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
21	000.37.22.H19-231227-0149	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
22	000.37.22.H19-231227-0151	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
23	000.37.22.H19-231227-0148	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
24	000.37.22.H19-231227-0132	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
25	000.37.22.H19-231227-0129	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
26	000.37.22.H19-231227-0131	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
27	000.37.22.H19-231227-0130	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tân Tiến	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
28	000.41.22.H19-231227-0044	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND phường Trảng Dài	27/12/2023	29/12/2023		-1	1
29	000.44.22.H19-231227-0060	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Hiệp Hòa	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
30	000.44.22.H19-231227-0073	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND phường Hiệp Hòa	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
31	000.44.22.H19-231227-0072	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND phường Hiệp Hòa	27/12/2023	29/12/2023		-1	4
32	000.48.22.H19-231227-0018	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND phường Tam Phước	27/12/2023	29/12/2023		-1	1
33	000.48.22.H19-231227-0019	Thủ tục chứng thực chữ ký trong	UBND phường Tam Phước	27/12/2023	29/12/2023		-1	1
34	000.48.22.H19-231227-0023	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND phường Tam Phước	27/12/2023	29/12/2023		-1	1

945	000.48.22.H19-231227-0022	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND phường Tam Phước	27/12/2023	29/12/2023			-1	
946	000.19.24.H19-231227-0004	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND xã Bảo Bình	27/12/2023	28/12/2023			-1	
947	000.19.24.H19-231227-0005	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND xã Bảo Bình	27/12/2023	29/12/2023			-1	
948	000.19.24.H19-231227-0006	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND xã Bảo Bình	27/12/2023	29/12/2023			-1	
949	000.00.07.H19-231227-0558	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
950	000.00.07.H19-231227-0543	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
951	000.00.07.H19-231227-0579	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội d	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
952	000.00.07.H19-231227-0531	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
953	000.00.07.H19-231227-0572	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
954	000.00.07.H19-231227-0547	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
955	000.00.07.H19-231227-0573	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
956	000.00.07.H19-231227-0564	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
957	000.00.07.H19-231227-0548	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
958	000.00.07.H19-231227-0555	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
959	000.00.07.H19-231227-0577	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
960	000.00.07.H19-231227-0551	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
961	000.00.07.H19-231227-0544	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
962	000.00.07.H19-231227-0540	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
963	000.00.07.H19-231227-0549	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
964	000.00.07.H19-231227-0568	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
965	000.00.07.H19-231227-0556	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
966	000.00.07.H19-231227-0569	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
967	000.00.07.H19-231227-0575	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
968	000.00.07.H19-231227-0578	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
969	000.00.07.H19-231227-0537	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
970	000.00.07.H19-231227-0584	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
971	000.00.07.H19-231227-0567	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
972	000.00.07.H19-231227-0541	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
973	000.00.07.H19-231227-0552	Thông báo hoạt động khuyến mại	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	27/12/2023	29/12/2023			-1	
974	000.34.22.H19-231228-0010	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND phường Tân Hòa	28/12/2023	29/12/2023			-1	
975	000.31.24.H19-231228-0001	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	UBND xã Xuân Tây	28/12/2023	29/12/2023			-1	
976	000.30.27.H19-231228-0004	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Thiện Tân	28/12/2023	29/12/2023			-1	
977	000.30.27.H19-231228-0002	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Thiện Tân	28/12/2023	29/12/2023			-1	
978	000.30.27.H19-231228-0003	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản	UBND xã Thiện Tân	28/12/2023	29/12/2023			-1	

1 ý: Tra cứu diễn giải TRẠNG THÁI hồ sơ theo Phụ lục 2 gửi kèm

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC TRẠNG THÁI HỒ SƠ

Mã	Mô tả trạng thái	Ghi chú chi tiết
1	Mới đăng ký	Sử dụng cho trường hợp nộp trực tuyến, sau khi công dân/doanh nghiệp nộp hồ sơ thành công trên cổng DVC Bộ ngành, địa phương
2	Được tiếp nhận	Hồ sơ được bộ phận một cửa trên hệ thống cổng DVC, MCĐT Bộ ngành địa phương tiếp nhận để thụ lý
3	Không được tiếp nhận	Hồ sơ do bộ phận một cửa từ chối tiếp nhận
4	Đang xử lý	Hồ sơ được chuyển đến phòng ban chuyên môn của cơ quan thẩm quyền thẩm định và xử lý
5	Yêu cầu bổ sung giấy tờ	Hồ sơ do cán bộ yêu cầu bổ sung giấy tờ, thông tin để đủ điều kiện xử lý
6	Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính	Hồ sơ yêu cầu công dân/doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ tài chính: thuế, phí, lệ phí ...
7	Công dân yêu cầu rút hồ sơ	Hồ sơ sau khi được tiếp nhận và xử lý, công dân/doanh nghiệp yêu cầu rút, hủy hồ sơ
8	Dừng xử lý	Hồ sơ do cán bộ xử lý thẩm định không đủ điều kiện sẽ dừng xử lý
9	Đã xử lý xong	Hồ sơ đã được xử lý xong và cơ quan chuyên môn đã chuyển trả lại kết quả xử lý cho bộ phận một cửa
10	Đã trả kết quả	Hồ sơ đã được bộ phận một cửa thực hiện trả kết quả cho công dân/doanh nghiệp

Số: 10198/VPCP-KSTT
V/v đơn đốc thực hiện một số
nhiệm vụ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày
27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Kính gửi:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao¹, các bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đến nay, có 04 bộ, ngành: Quốc phòng; Kế hoạch và Đầu tư; Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hoàn thành công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình; có 6/20 bộ, ngành, 46/63 (chiếm 73%) tỉnh, thành phố đã hoàn thành kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân phục vụ chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính; đã tiếp nhận, xử lý 1.249.364 hồ sơ trực tuyến nộp từ Cổng dịch vụ công quốc gia trong tháng 12 năm 2023 (tính đến ngày 25 tháng 12 năm 2023), đồng thời, Bộ Công an đã kiểm tra, khắc phục lỗi đồng bộ, công khai của hơn 5 triệu hồ sơ,... Tuy nhiên, qua tổng hợp, việc thực hiện một số nhiệm vụ của một số bộ, ngành, địa phương vẫn còn chậm, nhất là các nhiệm vụ có thời hạn được giao đến ngày 15 tháng 12 năm 2023; việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ vẫn chưa được khắc phục dứt điểm tình trạng chậm muộn, chẳng hạn chỉ có hơn 688 nghìn hồ sơ trực tuyến nộp từ Cổng dịch vụ công quốc gia xử lý đúng, sớm hạn (chiếm 55,1%),...

Để tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ trân trọng đề nghị Đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam chỉ đạo các cơ quan, đơn vị khẩn trương hoàn thành một số nhiệm vụ như sau:

1. Đề nghị 18 Bộ, ngành² hoàn thành việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình để địa phương tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quốc.

¹ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp

² 18 Bộ, ngành chưa hoàn thành, gồm: Thông tin và Truyền thông; Công an; Ngoại giao; Tư pháp; Nội vụ; Tài chính; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông vận tải; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Lao động, Thương binh và Xã hội; Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Ủy ban dân tộc;

2. Đề nghị 14 bộ, ngành và 17 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương³ hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

3. Đề nghị các Bộ: Bộ Tư pháp (Hệ thống quản lý hộ tịch điện tử; Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hệ thống đăng ký doanh nghiệp⁴; đăng ký hộ kinh doanh); Bộ Giao thông vận tải (Hệ thống quản lý vận tải đường bộ; Hệ thống quản lý đăng ký giấy phép lái xe); Bộ Tài nguyên và Môi trường (Hệ thống Cơ sở dữ liệu đất đai); Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội); Bộ Xây dựng (Hệ thống cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ và cung cấp thông tin quy hoạch; Hệ thống cấp chứng chỉ hành nghề); Bộ Tài chính (Thuế⁵, Cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách); Bộ Y tế (Hệ thống cấp chứng chỉ hành nghề) hoàn thành kết nối, tích hợp, đồng bộ thông tin tiếp nhận, xử lý hồ sơ giữa các Hệ thống thông tin trên với Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định của Chính phủ tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP, tránh tiếp diễn tình trạng cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện cập nhật trên nhiều hệ thống, gây lãng phí thời gian, chi phí, nguồn lực, giảm năng suất lao động.

4. Đề nghị Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hoàn thành kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu của 238 thủ tục hành chính còn lại⁶ đang thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia với Cổng dịch vụ công quốc gia tạo thuận lợi cho tiếp cận, thực hiện các thủ tục liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa.

5. Đề nghị các bộ, ngành, địa phương rà soát, kiểm tra, xử lý dứt điểm các hồ sơ trực tuyến nộp từ Cổng dịch vụ công quốc gia quá hạn đang xử lý (*Phụ lục kèm theo*); chấn chỉnh, xử lý nghiêm các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức để xảy ra tình trạng chậm muộn theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại

Thanh tra Chính phủ, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (Riêng Bộ Nội vụ chưa hoàn thành đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương).

³ Có 6/20 bộ, ngành đã hoàn thành, gồm: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 46/63 Tỉnh, thành phố đã hoàn thành: Cần Thơ, Bình Định, Hòa Bình, Kiên Giang, Kon Tum, Lào Cai, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Trà Vinh, Bến Tre, Quảng Nam, Hưng Yên, Thái Nguyên, Lâm Đồng, An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đắk Lắk, Nam Định, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Vĩnh Long, Tuyên Quang, Sóc Trăng, Ninh Thuận, Nghệ An, Điện Biên, Yên Bái, Đồng Tháp, Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Nam, Lai Châu, Cà Mau, Bình Dương, Tây Ninh, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Bình Phước, TP Hồ Chí Minh, Hà Giang, TP Hà Nội, Bình Thuận, Gia Lai, TP Đà Nẵng, Ninh Bình.

⁴ Đang chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ hướng dẫn và tổ chức kết nối, tích hợp, dự kiến hoàn thành trong tháng 01/2023.

⁵ Đang chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ hướng dẫn và tổ chức kết nối, tích hợp để thực hiện thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về thuế, lệ phí trước bạ trong thực hiện thủ tục hành chính cho doanh nghiệp (Đã hoàn thành đối với thuế cá nhân, hộ gia đình).

⁶ Đã kết nối, tích hợp được 12/250 thủ tục hành chính (đạt 4,8%).

điểm đ mục 1 Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Đồng chí./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Trần Lưu Quang (đề b/c);
- VPCP: BTCN,
Vụ TH, TTĐTCTP;
- Lưu: VT, KSTT (2).



BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Trần Văn Sơn
Trần Văn Sơn

Phụ lục

DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT
HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỰC TUYẾN NỘP TỪ CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Kèm theo Công văn số /VPCP-KSTT ngày tháng năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

I. BỘ, NGÀNH

Kết quả tính từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 25 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

STT	Tên cơ quan	Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết	Tổng số hồ sơ xử lý đúng hạn	Tổng số hồ sơ chậm được tiếp nhận ¹	Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn xử lý (đối với hồ sơ tiếp nhận trong tháng 12/2023)	Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn đang xử lý (Tính lũy kế từ đầu năm 2023 đến ngày 25/12/2023)
1	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	19.454	16.618	8.057	0	41.779
2	Bộ Công an ²	515.841	28.876	145.362	38.572	1.974.357
3	Bộ Công thương	132	77	105	55	1.003
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	6	4	3	0	4

¹ Khoản 2 Điều 17, Điều 18 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung), khoản 4 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP: Nếu quá 01 ngày làm việc mà hồ sơ trực tuyến không được tiếp nhận thì được tính là chậm được tiếp nhận theo quy định.

² Đề nghị tiếp tục kiểm tra và xử lý lỗi đồng bộ hồ sơ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với Công Dịch vụ công quốc gia.

2.	UBND Thành phố Đà Nẵng	874	849	31	0	3.755
3.	UBND Thành phố Hà Nội	19.385	17.561	234	352	1.673
4.	UBND Thành phố Hải Phòng	6.379	6.132	264	28	2.547
5.	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	38.031	33.096	66	1.510	5.934
6.	UBND tỉnh An Giang	35.984	33.578	849	720	2.232
7.	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	5.980	4.905	31	256	1.653
8.	UBND tỉnh Bắc Giang	21.960	15.916	371	733	12.193
9.	UBND tỉnh Bắc Kạn	3.776	3.430	166	54	2.285
10.	UBND tỉnh Bạc Liêu	299	267	0	17	358
11.	UBND tỉnh Bắc Ninh	25.286	21.978	780	78	9.521
12.	UBND tỉnh Bến Tre	4.980	4.449	3	36	548
13.	UBND tỉnh Bình Định	24.277	21.954	526	530	3.282
14.	UBND tỉnh Bình Dương	53.347	50.775	2.588	55	5.267
15.	UBND tỉnh Bình Phước	11.443	8.629	1.795	278	5.492
16.	UBND tỉnh Bình Thuận	4.985	4.391	12	139	1.088
17.	UBND tỉnh Cà Mau	16.109	15.404	135	55	1.058

18.	UBND tỉnh Cao Bằng	2.696	3.758	0	5	19
19.	UBND tỉnh Đắk Lắk	11.037	10.019	338	78	881
20.	UBND tỉnh Đắk Nông	682	625	6	10	225
21.	UBND tỉnh Điện Biên	4.425	4.031	10	10	214
22.	UBND tỉnh Đồng Nai	10.568	9.349	45	257	4.171
23.	UBND tỉnh Đồng Tháp	27.700	25.169	951	449	7.030
24.	UBND tỉnh Gia Lai	1.496	1.266	8	42	799
25.	UBND tỉnh Hà Giang	8.607	8.325	33	36	2.477
26.	UBND tỉnh Hà Nam	4.256	3.846	26	146	1.105
27.	UBND tỉnh Hà Tĩnh	18.890	15.335	801	311	7.883
28.	UBND tỉnh Hải Dương	33.886	32.183	289	99	17.782
29.	UBND tỉnh Hậu Giang	5.747	5.362	125	108	2.113
30.	UBND tỉnh Hòa Bình	9.000	7.971	2.091	292	2.711
31.	UBND tỉnh Hưng Yên	14.105	12.862	57	150	1.313
32.	UBND tỉnh Khánh Hòa	8.462	7.479	23	2	5.043
33.	UBND tỉnh Kiên Giang	9.292	8.459	113	133	1.536

34.	UBND tỉnh Kon Tum	5.206	4.890	38	14	283
35.	UBND tỉnh Lai Châu	1.223	1.035	17	20	718
36.	UBND tỉnh Lâm Đồng	31.286	29.282	479	826	6.724
37.	UBND tỉnh Lạng Sơn	2.683	2.390	186	8	3.037
38.	UBND tỉnh Lào Cai	25.106	23.918	465	114	1.432
39.	UBND tỉnh Long An	2.872	2.878	50	0	196
40.	UBND tỉnh Nam Định	14.106	14.926	990	0	1.376
41.	UBND tỉnh Nghệ An	26.955	23.583	1.455	194	6.685
42.	UBND tỉnh Ninh Bình	2.691	1.841	382	55	367
43.	UBND tỉnh Ninh Thuận	51	49	0	1	5
44.	UBND tỉnh Phú Thọ	15.691	12.808	1.090	694	11.973
45.	UBND tỉnh Phú Yên	2.908	2.308	557	2	4.260
46.	UBND tỉnh Quảng Bình	4.440	2.065	758	105	10.134
47.	UBND tỉnh Quảng Nam	8.638	7.611	75	159	2.634
48.	UBND tỉnh Quảng Ngãi	9.041	8.611	15	74	634
49.	UBND tỉnh Quảng Ninh	14.476	12.629	272	340	8.385

50.	UBND tỉnh Quảng Trị	6.633	6.294	135	132	1.329
51.	UBND tỉnh Sóc Trăng	2.732	2.438	155	80	3.066
52.	UBND tỉnh Sơn La	5.400	5.321	0	58	1.286
53.	UBND tỉnh Tây Ninh	8.560	7.728	751	177	2.738
54.	UBND tỉnh Thái Bình	6.105	4.343	53	513	794
55.	UBND tỉnh Thái Nguyên	24.082	20.594	2.630	40	2.897
56.	UBND tỉnh Thanh Hóa	5.335	4.581	860	0	14.137
57.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	1.623	1.549	46	2	645
58.	UBND tỉnh Tiền Giang	10.720	10.158	41	92	1.420
59.	UBND tỉnh Trà Vinh	1.084	937	0	37	515
60.	UBND tỉnh Tuyên Quang	4.954	4.563	70	62	1.146
61.	UBND tỉnh Vĩnh Long	1.691	1.677	387	0	53
62.	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	9.331	8.996	0	67	543
63.	UBND tỉnh Yên Bái	3.358	4.705	9	57	817
Tổng số		710.511	640.124	25.912	12.090	206.441

(Xin vui lòng truy cập và đề nghị hỗ trợ tại <https://quantri.dichvucong.gov.vn> để xem chi tiết danh sách hồ sơ thủ tục hành chính quá hạn đang xử lý)